

PHÁP LUẬT VIỄN THÔNG VIỆT NAM TRONG BỐI CẢNH HỘI NHẬP KINH TẾ QUỐC TẾ

*Phan Thảo Nguyên**

Lĩnh vực bưu chính viễn thông Việt Nam đã trải qua một chặng đường dài trong việc cải cách khuôn khổ luật pháp và các thể chế pháp lý tương ứng, nhất là trong lĩnh vực viễn thông. Tổng cục Bưu Điện được thành lập tương đối sớm để thực hiện chức năng quản lý nhà nước về viễn thông và tách khỏi hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp (VNPT). Năm 2003, Chính phủ quyết định thành lập Bộ Bưu chính - Viễn thông (BBCVT) trên cơ sở sắp xếp lại tổ chức và hoạt động của Tổng cục Bưu điện. Nhờ đó BBCVT đã có nhiều chức năng và thẩm quyền hơn trong việc hoạch định chính sách và phát triển một môi trường cạnh tranh thông thoáng hơn cho lĩnh vực bưu chính, viễn thông. Điều này được phản ánh bởi việc ban hành các chính sách và các quy định mang tính tiến bộ trong những năm gần đây của Chính phủ và BBCVT. Việc thúc đẩy cạnh tranh trong lĩnh vực viễn thông vừa là yêu cầu quá trình hội nhập kinh tế quốc tế (HNKTQT), vừa là nghĩa vụ phải thực hiện của Việt Nam trên cương vị thành viên chính thức của WTO. Hiệp định chung về thương mại dịch vụ sẽ là động lực để đẩy nhanh hơn nữa quá trình mở cửa và hội nhập của ngành viễn thông với thị trường viễn thông quốc tế. Nền tảng pháp lý cho chính sách cạnh tranh về viễn thông đang từng bước được hình thành và phản ánh rõ nét trong các văn bản pháp luật đang được xây dựng ở Việt Nam.

1. Thể chế pháp lý về viễn thông trong mối tương quan với Hiệp định Thương mại Việt Nam - Hoa kỳ và hiệp định GATS/WTO

Pháp lệnh Bưu chính Viễn thông năm 2002 (PLBCVT) là văn bản pháp luật cao

nhất điều chỉnh các hoạt động bưu chính, viễn thông, được soạn thảo và thông qua sau khi Chính phủ Việt Nam đã ký kết Hiệp định Thương mại (BTA) với Chính phủ Hoa Kỳ. Nội dung các điều khoản về thương mại dịch vụ viễn thông trong BTA là sự tuân thủ, và trích dẫn hầu hết các các quy định cơ bản của hiệp định GATS về viễn thông. Bởi vậy, Pháp lệnh đã chuyển tải và thể chế hoá cơ bản hầu hết các cam kết của Việt Nam trong BTA phần cam kết về các dịch vụ viễn thông, cũng như các cam kết tham chiếu mà BTA trích dẫn đến trong các quy định của GATS về viễn thông. Hay nói cách khác là điểm tiến bộ của Pháp lệnh Bưu chính, Viễn thông là đã tuân thủ và được xây dựng từ các nguyên tắc cơ bản của WTO/GATS. Đây cũng là điều thuận lợi cơ bản cho lĩnh vực viễn thông Việt Nam khi HNKTQT.

Tuy vậy, các quy định trong PLBCVT mới dừng lại ở các nguyên tắc chung cần được chi tiết hoá trong các văn bản hướng dẫn của Chính phủ và BBCVT. Trong Pháp lệnh vẫn còn có những điểm quy định chưa rõ với yêu cầu của BTA và WTO/GATS như: Mục 7 phần viễn thông, chương II Pháp lệnh BCVT đề cập cơ chế giải quyết tranh chấp, nhưng các quy định này chỉ đưa ra nguyên tắc chung: "các bên tham gia cung cấp, sử dụng dịch vụ viễn thông có nghĩa vụ thực hiện hợp đồng đã giao kết. Khi xảy ra tranh chấp do vi phạm hợp đồng thì các bên có thể thoả thuận về việc giải quyết tranh chấp; trong trường hợp không đạt được thoả thuận thì có quyền yêu cầu cơ quan, tổ chức có thẩm quyền giải quyết theo quy định của pháp luật" (Điều 55). Như vậy, Pháp lệnh chưa nêu rõ cơ quan có thẩm quyền giải quyết các tranh chấp phát sinh trong cung cấp dịch vụ viễn thông. Nếu quy định như trên thì thuật ngữ cơ quan giải quyết tranh chấp có thể được hiểu là toà án dân sự (nếu coi hợp đồng viễn thông là hợp

* TS Luật học, Tập đoàn Bưu chính Viễn thông Việt Nam

đồng dân sự), trọng tài kinh tế (nếu tranh chấp viễn thông là hợp đồng kinh tế) hoặc Bộ BCVT (nếu là tranh chấp về thoả thuận kết nối viễn thông theo Điều 43 Pháp lệnh).

Nghị định số 160/2004/NĐ-CP ngày 3/9/2004 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của PLBCVT đã chi tiết hoá một bước môi trường pháp lý về dịch vụ viễn thông là đã rõ ràng hơn, cụ thể hơn trong việc chuyển hoá các quy định của BTA, WTO/GATS về viễn thông vào luật pháp trong nước, cụ thể là: Khẳng định và quy định 4 phương thức cung cấp dịch vụ theo quy định của GATS áp dụng trong cung cấp dịch vụ viễn thông tại Việt Nam (Điều 22). Theo đó dịch vụ viễn thông có thể được cung cấp và sử dụng qua biên giới, tiêu thụ ở nước ngoài... Có thể nói, đây là văn bản pháp lý đầu tiên của Việt Nam (ngoại trừ BTA) quy định về các phương thức cung cấp dịch vụ theo tinh thần của hiệp định GATS/WTO. Tuy việc quy định chỉ dừng lại ở vấn đề chung nhưng rõ ràng đó là một bước nội luật hoá các chuẩn mực của WTO/GATS về thương mại dịch vụ.

Các quy định về cạnh tranh và mở cửa thị trường cơ bản được xây dựng theo các khuyến nghị của GATS/BTA. Pháp lệnh định nghĩa các doanh nghiệp có thị phần vượt trội là những doanh nghiệp chiếm hơn 30% thị phần của một dịch vụ cụ thể, và những doanh nghiệp có thể tạo ra những hạn chế trực tiếp đối với sự tham gia vào thị trường đó của các doanh nghiệp viễn thông khác. Các doanh nghiệp có thị phần vượt trội như vậy phải chịu sự quản lý và giám sát của cơ quan quản lý về thị phần, chất lượng và giá cả của dịch vụ liên quan, và phải hạch toán riêng đối với các dịch vụ có thị phần vượt trội đó. Các doanh nghiệp này cũng bị cấm tiến hành các hoạt động chống cạnh tranh. Mặt khác, các doanh nghiệp mới cũng được tiến hành các gói khuyến mại hấp dẫn để thu hút khách hàng mới trong khi các doanh nghiệp chiếm thị phần khổng lồ chế không được làm như vậy. Cước kết nối thấp hơn được áp dụng đối với các doanh nghiệp không có thị phần vượt trội cũng đem đến cho các doanh

nh nghiệp mới nhiều lợi thế trong việc chủ động quyết định các mức giá, cước dịch vụ. Pháp lệnh coi việc cấp phép là một trong các công cụ để làm rõ môi trường cạnh tranh. Pháp lệnh phân loại các doanh nghiệp viễn thông thành (1) hoạt động dựa trên mạng hoặc cơ sở hạ tầng và (2) hoạt động dựa trên dịch vụ. Trong khi loại hình dịch vụ thứ hai được mở cho tất cả các thành phần kinh tế thì loại dịch vụ thứ nhất chỉ được phép đối với các doanh nghiệp nhà nước (DNNN) hoặc các doanh nghiệp mà nhà nước nắm giữ cổ phần chi phối hoặc cổ phần vàng. Như vậy, Chính phủ đã ủng hộ cạnh tranh giữa doanh nghiệp nhà nước khác nhau trong việc cung cấp dịch vụ dựa trên mạng tương lai gần.

Kết nối mạng là vấn đề quan trọng trong việc mở cửa thị trường viễn thông và khuyến khích các doanh nghiệp mới tham gia thị trường. Hiệp định GATS đã dành hẳn một phụ lục quy định về viễn thông (WTO Reference Paper on Telecommunication), chủ yếu đề cập đến các nguyên tắc trong kết nối mạng viễn thông. Tham khảo các quy định của GATS về viễn thông, chương 7 Pháp lệnh quy định về kết nối mạng. Kết nối mạng được coi là một vấn đề cạnh tranh cốt yếu bởi việc kết nối giữa các nhà cung cấp dịch vụ viễn thông vừa là một đặc điểm cần thiết để nối liền các mạng viễn thông nói chung, và vừa là một điều kiện để các nhà cung cấp mới tham gia thị trường dịch vụ có thể sử dụng chung các cơ sở hạ tầng của nhà khai thác hiện có mà không phải đầu tư lớn ngay để thiết lập một đường trục, mạch vòng nội hạt hoặc cơ sở hạ tầng viễn thông mới. Pháp lệnh đề cập vấn đề kết nối bằng quy định rằng, tất cả các doanh nghiệp viễn thông đều có quyền kết nối mạng của họ với mạng của các công ty viễn thông khác và có nghĩa vụ cho phép các mạng của các công ty khác kết nối và truy nhập mạng hoặc dịch vụ của họ trên cơ sở các điều kiện công bằng và hợp lý. Truy nhập và kết nối tại mọi điểm khả thi về kinh tế và kỹ thuật là bắt buộc đối với các nhà cung cấp dịch vụ nắm giữ "thiết bị và cơ sở hạ tầng thiết yếu". Việc bóc tách là không bắt buộc. Tuy nhiên, không có định

nghĩa về các thiết bị và cơ sở hạ tầng đó trong Pháp lệnh. Các thoả thuận về kết nối do các doanh nghiệp tự thương thảo và xây dựng. Cước kết nối được điều tiết bởi BBCVT. Việc sử dụng chung các vị trí kết nối cũng được quy định trong Pháp lệnh. Điều 43 khoản 2 quy định: Việc sử dụng chung các điểm kết nối và cơ sở hạ tầng kỹ thuật theo thoả thuận kết nối giữa hai bên ký kết. Bù chéo (cross - subsidize) có thể được sử dụng như một biện pháp chống cạnh tranh, không bị cấm một cách cụ thể trong Pháp lệnh. Thay vào đó, Pháp lệnh trao quyền cho BBCVT được khống chế các doanh nghiệp viễn thông có thị phần vượt trội trong một thị trường dịch vụ nào đó về mặt khung giá, cước các loại dịch vụ. Hạn chế này tạo ra sự mất chủ động của VNPT trong hoạch định chính sách kinh doanh, đồng thời cũng là lợi thế lớn cho các nhà khai thác mới. Một biện pháp tương tự được áp dụng đối với nghĩa vụ dịch vụ phổ cập (universal service obligation - USO) với quy định trong Pháp lệnh là: cước kết nối sẽ được tính trên cơ sở chi phí + giá trị đóng góp cho việc cung cấp dịch vụ phổ cập với số tiền được nêu rõ và các nguồn khác và được thực hiện qua Quỹ viễn thông công ích.

Có thể thấy rằng PLBCVT tương đối thông thoáng và ủng hộ cạnh tranh. Nghị định 160/2004/NĐ-CP hướng dẫn thi hành Pháp lệnh quy định chi tiết thêm một số điều quan trọng của Pháp lệnh liên quan đến cạnh tranh trong lĩnh vực viễn thông. Nghị định quy định tương đối chi tiết khái niệm về các phương tiện thiết yếu. Khái niệm này rất quan trọng để tuân thủ các tiêu chuẩn trong WTO-RP về việc xác định các nhà cung cấp có nghĩa vụ cho phép các doanh nghiệp viễn thông khác được kết nối. Theo WTO-RP, các nhà cung cấp chiếm thị phần khống chế là những nhà cung cấp có thể tác động về vật chất tới các điều kiện tham gia thị trường đối với dịch vụ viễn thông cơ bản do quyền kiểm soát các cơ sở vật chất thiết yếu hoặc sử dụng vị thế của họ trên thị trường. Điều 24 của Nghị định quy định nghĩa vụ kết nối đối với các nhà cung cấp kiểm soát các cơ sở vật

chất thiết yếu và 30% dung lượng của (i) mạch vòng nội hạt, (ii) kênh đường dài trong nước và quốc tế, hoặc (iii) số trạm truy nhập của mạng thông tin du lịch. Các công ty nắm giữ phương tiện thiết yếu phải: lập kế hoạch tổng thể về đầu tư thiết lập mạng viễn thông đủ để kết nối mạng và truyền tải, tạo điều kiện thuận lợi cho việc đàm phán và ký hợp đồng kết nối mạng và dịch vụ của các công ty khác một cách công bằng và hợp lý trên cơ sở sử dụng hiệu quả các nguồn lực viễn thông, sử dụng chung các điểm kết nối và cơ sở hạ tầng, và soạn thảo trình BBCVT phê duyệt hợp đồng kết nối chính sẽ được công bố công khai và áp dụng cho tất cả các công ty có yêu cầu kết nối. Điều 23 Nghị định quy định riêng về nghĩa vụ của các công ty có 30% thị phần (chứ không phải dung lượng) trong một thị trường dịch vụ nào đó để tránh các biện pháp chống cạnh tranh.

Về kết nối mạng viễn thông giữa các doanh nghiệp: Nghị định quy định rõ quy tắc kết nối phải đảm bảo rằng người sử dụng không phải trả tiền cho việc lựa chọn nhà cung cấp dịch vụ mà họ muốn. Nghị định cũng nêu rõ rằng cước kết nối sẽ dựa trên chi phí được phân bổ một cách hợp lý theo các hạng mục của mạng hoặc các quy trình dịch vụ, không phân biệt giữa các loại hình dịch vụ khác nhau. Trong trường hợp cước kết nối bao gồm cả phần đóng góp cho dịch vụ phổ cập, phần đóng góp đó phải được xác định rõ.

Nói chung, các quy định pháp luật hiện hành về (dịch vụ) viễn thông thống nhất với các yêu cầu tránh các hoạt động chống cạnh tranh được nêu trong các hiệp định quốc tế mà Việt Nam đã ký kết hoặc sẽ ký kết trong tương lai gần, cụ thể, Hiệp định Thương mại Việt Nam - Hoa Kỳ được ký 7/2000, có chứa đựng các quy định chủ yếu về cạnh tranh từ hiệp định khung của WTO về thương mại dịch vụ (GATS), phụ lục GATS về viễn thông (Annex on Telecommunication) và văn bản tham chiếu về viễn thông (WTO-RP). WTO-RP quy định các nội dung cơ bản trong khuôn khổ pháp luật cơ bản về viễn thông. Liên quan đến cạnh tranh WTO-RP quy định các nội dung cơ bản về các tiêu

chuẩn để ngăn chặn các biện pháp chống cạnh tranh (bao gồm cả bù chéo giữa các dịch vụ, kết nối và cơ quan quản lý độc lập). WTO-RP không quy định chi tiết các biện pháp chống hoạt động chống cạnh tranh. Văn bản đó chỉ đơn giản nêu rằng "các biện pháp thích hợp" cần được duy trì để ngăn ngừa các hành động chống cạnh tranh của các nhà cung cấp lớn. Các hành động chống cạnh tranh cũng không được định nghĩa cụ thể, tuy nhiên có ba loại cần bao gồm: (i) bù chéo nhằm chống cạnh tranh; (ii) sử dụng thông tin thu thập được từ các đối thủ cạnh tranh; (iii) không cung cấp kịp thời cho các nhà cung cấp dịch vụ khác, các thông tin kỹ thuật về các cơ sở vật chất thiết yếu và các thông tin liên quan cần thiết để họ cung cấp dịch vụ. Như trên đã nói, bù chéo không bị cấm một cách rõ ràng, tuy nhiên Pháp lệnh yêu cầu các doanh nghiệp viễn thông có thị phần vượt trội trong một thị trường dịch vụ nào đó phải hạch toán chi phí riêng cho dịch vụ đó, nhằm giúp phát hiện hiện tượng bù chéo, nếu có. Do không thể cấm bù chéo, các quy định của Việt Nam có thể không hoàn thành nghĩa vụ theo BTA và có thể tạo ra một chủ đề để đàm phán cho việc gia nhập WTO. Việc sử dụng sai hoặc từ chối cung cấp thông tin không được đề cập chi tiết trong các quy định của pháp luật Việt Nam, tuy nhiên, các doanh nghiệp viễn thông có thị phần vượt trội bị cấm sử dụng các lợi thế của mình để hạn chế các doanh nghiệp viễn thông khác (Điều 27.1 Pháp lệnh BCVT). Các quy định như vậy của Việt Nam có vẻ hẹp hơn về phạm vi so với yêu cầu của WTO-RP. Một thực tế là các chính sách và quy định pháp luật về viễn thông vẫn đang được hoàn thiện. Chắc chắn sẽ có những vấn đề nảy sinh liên quan đến sự thống nhất giữa các quy định trong nước và những cam kết quốc tế của Việt Nam trong BTA, cũng như trong quá trình gia nhập GATS, có thể dẫn tới sửa đổi, bổ sung các quy định đó. Khi việc hoàn thiện chính sách và pháp luật diễn ra sẽ đòi hỏi bổ sung nhiều các quy định cụ thể để thực thi trên thực tế, qua đó tạo môi trường pháp lý về cung cấp dịch vụ viễn

thông phù hợp với các chuẩn mực chung của GATS/WTO.

2. Thực tế áp dụng các quy định về kết nối mạng

Thế chế pháp lý về kết nối mạng viễn thông đã thực sự phát huy hiệu quả trên thực tế với vai trò điều hành và trọng tài của BBCVT. Việc VNPT và các doanh nghiệp mới như Viettel, SPT, VP-Telecom, Hanoi Telecom sớm hoàn tất các thỏa thuận kết nối mạng đã thực sự tạo ra sự phát triển năng động của thị trường viễn thông Việt Nam trong thời gian qua. Nhìn nhận và đánh giá khách quan về vấn đề kết nối mạng có thể thấy một số điểm đáng chú ý sau:

Một là, việc mở cửa thị trường viễn thông, khuyến khích cạnh tranh ở Việt Nam được thực hiện trên cơ sở chính sách đối xử bất bình đẳng giữa doanh nghiệp chủ đạo và các doanh nghiệp mới, nhất là trong việc xử lý vấn đề kết nối mạng. Thực tế những năm qua cho thấy, VNPT – doanh nghiệp viễn thông chủ đạo luôn chịu những chính sách quản lý bó buộc chặt chẽ của nhà nước như việc không được quyết định các mức giá cước dịch vụ viễn thông, mức cước kết nối, phải tổ chức hệ thống thu nợ hộ cước cho các doanh nghiệp mới khi tham gia thị trường... Việc áp dụng các chính sách khống chế doanh nghiệp chủ đạo phần nào đã tạo ra sự phát triển nhanh chóng của một số doanh nghiệp viễn thông mới, điển hình là Viettel, FPT. Thông thường các nước trên thế giới cũng áp dụng một số biện pháp mang tính hạn chế đối với các nhà khai thác chủ đạo, nhưng các biện pháp này chủ yếu tập trung vào việc đảm bảo sử dụng chung vị trí kết nối và sử dụng chung hạ tầng viễn thông hiện có, một số nước đưa ra cách tính chi phí hợp lý cho việc kết nối mạng. Trung Quốc áp dụng chính sách hai mức giá đối với hai công ty điện thoại di động là China Mobile và China Unicom. Trong đó công ty China Unicom là doanh nghiệp mới được áp dụng mức giá cước thấp hơn công ty China Mobile trong giai đoạn đầu khi mới tham gia thị trường. Qua nghiên cứu kinh nghiệm các nước về vấn đề kết nối, và khuyến khích

cạnh tranh cho thấy, chưa có nước nào áp dụng chỉ tiêu phân bổ chỉ tiêu chiếm lĩnh thị phần thị trường dịch vụ viễn thông như Việt Nam. Việc đặt mục tiêu năm 2005 các doanh nghiệp mới phải chiếm lĩnh 25% thị phần thị trường dịch vụ viễn thông tại Việt Nam có thể dẫn đến các chính sách làm biến dạng môi trường cạnh tranh. Theo đó, Nhà nước khống chế và quản lý chặt (kìm hãm) doanh nghiệp chủ đạo, để tạo lợi thế tối đa cho doanh nghiệp mới. Cách làm trên có thể không giúp làm chiếc bánh thị trường viễn thông lớn thêm nhanh mà phần nào chỉ là sự chia cắt, phân bổ các miếng bánh thị trường hiện có.

Hai là, Thỏa thuận kết nối mạng chưa thực sự là căn cứ pháp lý điều chỉnh hành vi của các doanh nghiệp viễn thông. Các quy định về kết nối mạng trong PLBCVT và Nghị định số 160/2004/NĐ-CP đều nêu rõ các doanh nghiệp viễn thông tự nguyện thỏa thuận và ký kết các thỏa thuận kết nối. Thỏa thuận kết nối sẽ có hiệu lực khi được BBCVT phê chuẩn. Về nguyên tắc Thỏa thuận kết nối được coi như một hợp đồng kinh tế, nó thể hiện sự tự do cam kết, tự nguyện ý chí của các bên tham gia. Thỏa thuận kết nối được xây dựng trên các nguyên tắc chung của pháp luật hợp đồng, bao gồm các cam kết về quyền và nghĩa vụ của các bên tham gia. Từ những tranh chấp về kết nối mạng cho thấy các bên chưa thực sự tôn trọng và tuân thủ các nguyên tắc, cam kết đã nêu trong các thỏa thuận kết nối. Các doanh nghiệp thường sử dụng các lợi thế vốn có của mình để không phải thực hiện các cam kết của mình trong thỏa thuận kết nối, như trốn tránh nghĩa vụ trả cước kết nối, tận dụng và khai thác tối đa các hạ tầng sẵn có của doanh nghiệp chủ đạo trong khi lờ đi các nghĩa vụ tài chính tương ứng.

Ba là, xu hướng hành chính hoá các quan hệ kết nối giữa các doanh nghiệp viễn thông. Thực tế diễn biến tình hình kết nối mạng viễn thông giữa các doanh nghiệp thời gian qua cho thấy vẫn còn nhiều bất cập trong cơ chế giải quyết tranh chấp. Mặc dù, PLBCVT và các văn bản hướng dẫn thi hành đã giao

quyền trọng tài giải quyết tranh chấp cho BBCVT nhưng trên thực tế việc giải quyết tranh chấp lại được bắt đầu từ cấp quản lý hành chính cao hơn. Bởi vậy, chúng tôi cho rằng để tăng cường hiệu quả của việc giải quyết tranh chấp: Cần quy định rõ hơn chức năng trọng tài của BBCVT hoặc nhanh chóng thành lập cơ quan quản lý cạnh tranh kiểm soát độc quyền theo Luật Cạnh tranh. Các tranh chấp về kết nối mạng giữa các doanh nghiệp viễn thông cần được giải quyết theo thủ tục cạnh tranh thương mại thay cho thủ tục hành chính hiện hành. Vụ tranh chấp giữa hai công ty viễn thông hàng đầu Việt Nam là Tổng công ty Bưu chính Viễn thông Việt Nam (VNPT) và Tổng công ty viễn thông quân đội (Viettel) xoay quanh việc Viettel cho rằng VNPT lạm dụng vị thế độc quyền, cạnh tranh không lành mạnh, cản trở việc kết nối giữa mạng di động 098 của Viettel và các mạng cố định, di động của VNPT là ví dụ điển hình của việc hành chính hoá các quan hệ kinh tế giữa các doanh nghiệp. Vụ việc trên đã được chuyển tới Bộ Bưu chính viễn thông và Thủ tướng Chính phủ để giải quyết do chúng ta tuy đã có cơ quan quản lý cạnh tranh kiểm soát độc quyền, nhưng các thủ tục trình tự tố tụng và hiệu lực pháp luật chưa đủ mạnh khi xử lý các tranh chấp giữa Tổng công ty nhà nước chủ đạo đang tồn tại như là một thực thể khách quan trong các ngành dịch vụ. Bởi vậy, cần thiết phải ban hành thủ tục tố tụng cạnh tranh thương mại. Thủ tục này là độc lập so với thủ tục giải quyết các vụ tranh chấp kinh tế. Vì chưa có thủ tục tố tụng rõ ràng, cho nên vụ việc tranh chấp về cạnh tranh thường được giải quyết theo biện pháp hành chính nhà nước và điều này là không phù hợp với thông lệ quốc tế. Mặt khác, việc thành lập cơ quan tố tụng cạnh tranh sẽ góp phần tạo ra cơ chế hữu hiệu để bảo vệ quyền lợi của khách hàng, của người tiêu dùng dịch vụ. Trong các tranh chấp tương tự tranh chấp giữa VNPT và Viettel người chịu thua thiệt nhiều nhất chính là các khách hàng của mạng di động. Các chế định của Luật Cạnh tranh hiện tại lại chưa chi tiết các biện pháp bảo vệ quyền lợi của người tiêu dùng dịch vụ.

(Xem tiếp trang 79)

- Kiểm chế không sử dụng hay đe dọa sử dụng vũ lực, thúc đẩy hợp tác song phương hoặc đa phương về bảo vệ môi trường, nghiên cứu khoa học, khí tượng, chống thảm họa, tìm kiếm cứu nạn, chống cướp biển và kiểm soát ô nhiễm môi trường, bảo vệ tài nguyên biển ở quần đảo Trường Sa;

- Bảo đảm tự do hàng hải theo quy định của luật quốc tế;

- Từng bước tăng cường hợp tác và giải quyết dứt điểm tranh chấp chủ quyền ở quần đảo Trường Sa.

Cuối tháng 4 đầu tháng 5/1996, hai bên đã thực hiện thành công chuyến khảo sát chung về khoa học biển tại khu vực quần đảo Trường Sa và Biển Đông. Hai bên sẽ tiếp tục tổ chức khảo sát khoa học chung trên khu vực quần đảo và trên Biển Đông. Ủy ban hỗn hợp Việt Nam - Philippin do Bộ trưởng Ngoại giao hai nước dẫn đầu họp tại Hà Nội tháng 1/1997 đã thoả thuận về một số biện pháp xây dựng lòng tin trên quần đảo, trong đó có việc trao đổi các cuộc viếng thăm của các chỉ huy quân sự và lực lượng đồn trú của hai bên trên quần đảo¹².

¹ Lê Minh Nghĩa, "Những vấn đề về chủ quyền lãnh thổ giữa Việt Nam và các nước láng giềng", Hội thảo về Phát triển khu vực Châu Á Thái Bình Dương và Tranh chấp biển Đông, 15 -16/8/1998, New York City.

(Tiếp theo trang 35 – Pháp luật viễn thông...)

3. Kết luận

Khung khổ pháp lý đồng bộ, hoàn chỉnh là công cụ quan trọng nhất để tạo lập và quản lý thị trường viễn thông có cạnh tranh. Cơ quan quản lý các nước (trong đó có Việt Nam) đang gặp phải nhiều thách thức lớn trong việc xây dựng và bảo vệ một môi trường pháp lý bình đẳng, ổn định cho cạnh tranh giữa các doanh nghiệp, nhất là điều tiết, quản lý việc kết nối mạng. Tuy nhiên, một điều thấy rõ là không một thể chế pháp lý viễn thông nào là hoàn chỉnh ngay, mà cần phải có

4. Kết luận

Là thành viên của Công ước Luật Biển năm 1982 và với bờ biển dài Việt Nam có rất nhiều tài nguyên biển, giao thông vận tải và du lịch biển, v.v. Tuy nhiên, Việt Nam cũng phải đối mặt với các thách thức không nhỏ trong việc phân định biển với các quốc gia trong khu vực như đã nêu trên. Đứng trước xu thế hội nhập, việc nghiên cứu về khai thác chung có một ý nghĩa hết sức quan trọng. Khai thác chung vừa đáp ứng được những nguyên tắc của pháp luật quốc tế như: Nguyên tắc bình đẳng chủ quyền giữa các quốc gia, nguyên tắc hoà bình giải quyết các tranh chấp quốc tế, nguyên tắc các quốc gia có nghĩa vụ hợp tác với nhau, nguyên tắc tự nguyện thực hiện các cam kết quốc tế... và tuân thủ các quy định được nêu trong Công ước. Việc khai thác chung vừa phù hợp với pháp luật quốc tế nói chung và Luật Biển quốc tế nói riêng là một trong những xu hướng hợp tác giữa các quốc gia.

Vì vậy, muốn thực thi một cách hiệu quả các Hiệp định khai thác chung đã ký với các nước và tổ chức đàm phán ký kết các hiệp định trong tương lai với các quốc gia trong khu vực, Việt Nam cần có một chính sách và pháp luật biển tổng thể, trong đó chính sách pháp luật về khai thác chung cần phải được đầu tư và nghiên cứu một cách khoa học để tìm ra một cơ chế, mô hình hợp tác trong tương lai nhằm phục vụ hiệu quả chiến lược chủ động hội nhập quốc tế của đất nước.

các bước phát triển tiếp để theo kịp sự phát triển của công nghệ và sự hội tụ giữa mạng lưới và thị trường. Các vấn đề diễn biến trong thị trường viễn thông có cạnh tranh sẽ tiếp tục nảy sinh đòi hỏi sự tham gia tích cực của các cơ quan quản lý, lập pháp, lập quy. Trên thực tế, các nước trên thế giới đang xích lại gần nhau để xác định một mô hình pháp lý chuẩn mực hay đưa ra một thông lệ quốc tế đối với các quyết định về các vấn đề pháp lý, quản lý và kỹ thuật liên quan đến mở cửa thị trường và giải quyết các mối quan hệ giữa các doanh nghiệp viễn thông.